

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 187/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Phạm Chí C, sinh năm 1993;

- Bà Phạm Thị Bé B, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Số nhà 291/1, hẻm 291, tổ 2, ấp BL, xã TB, huyện V, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã tiến hành hòa giải để ông Phạm Chí C và bà Phạm Thị Bé B đoàn tụ nhưng ông C và bà B không đồng ý đoàn tụ mà tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ việc dân sự, cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Chí C và bà Phạm Thị Bé B chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện V, tỉnh Đ và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 168/2013, quyển số 01/2012 ngày 09/9/2013. Căn cứ vào các Điều 11, 12, 13 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình hòa giải, ông C và bà B không đoàn tụ về chung sống với nhau và thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, sự tự nguyện của ông, bà là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

[2] Về con chung: Ông C và bà B có 01 con chung tên là Phạm Hoàng Anh K, sinh ngày 28/02/2014. Ông C và bà B đã thống nhất, thỏa thuận giao cháu Phạm Hoàng Anh K cho bà B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng, kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Khoa đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Việc thỏa thuận nuôi con chung của ông C và bà B là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên công nhận.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông C không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về tài sản chung: Ông C và bà B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông C và bà B đều khai không có, cũng không có ai khác yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông C, bà B phải nộp lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Chí C và bà Phạm Thị Bé B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông C và bà B có 01 con chung tên là Phạm Hoàng Anh K, sinh ngày 28/02/2014. Ông C và bà B thống nhất giao cháu Phạm Hoàng Anh K cho bà B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng, kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông C không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết; về nợ chung: các đương sự đều khai không có, cũng không có ai khác yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Chí C và bà Phạm Thị Bé B mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0009395 ngày 19/4/2024 và số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0009396 ngày 19/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Ông C, bà B đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã TB,
huyện V, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

Nguyễn Quốc Thái